

HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 4/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày tháng 4 năm 2023 của Sở Công Thương)

Chỉ tiêu	ĐVT	KH2023	TH 3T	ước T4	ước 4T	Số KH (%)	so cùng kỳ (%)	cùng kỳ
1. KN Xuất khẩu	1000 USD	680.000	263.000,00	47.000,00	310.000,00	45,59	103,33	300.000,00
<i>Mặt hàng xuất khẩu</i>			-		-			
1. Cà phê	Tấn		110.000,00	20.000,00	130.000,00		100,00	130.000,00
Giá trị	1000 USD		225.000,00	45.800,00	270.800,00		104,15	260.000,00
2. Mủ cao su	Tấn		403,00	34,00	437,00		38,81	1.126,00
Giá trị	1000 USD		465,00	50,00	515,00		32,19	1.600,00
3. Gỗ tinh chế	1000 USD		142,00	50,00	192,00		13,71	1.400,00
5 Hàng khác	1000 USD		37.393,00	1.100,00	38.493,00		104,04	37.000,00
2. KN Nhập khẩu	1000 USD	110.000,00	47.000,00	4.000,00	51.000,00	46,36	68,92	74.000,00
<i>Mặt hàng nhập khẩu</i>					-			
1. Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD		175,00		175,00			
2. Máy móc thiết bị	1000 USD		-		-			
3. Sắn lát	Tấn		1.500,00		1.500,00		47,77	3.140,00
Giá trị	1000 USD		360,00		360,00		52,48	686,00
4. Hạt điều	Tấn		14.650,00	500	15.150,00		64,33	23.550,00
Giá trị	1000 USD		17.000,00	600	17.600,00		59,76	29.450,00
5. cao su tự nhiên	Tấn		3.200,00	1000	4.200,00		105,05	3.998,00
giá trị	1000 USD		3.600,00	1200	4.800,00		108,18	4.437,00
6. Hàng khác	1000 USD		26.040,00	2.200,00	28.240,00		71,63	39.427,00